

QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỈNH NAM ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020

Ths. Nguyễn Anh Tuấn

Công ty cổ phần Dịch vụ viễn thông số

Email: tuann9@gmail.com

Ths. Trần Quang Thọ

Công ty Sài Gòn Bank chi nhánh Cầu Giấy

Email: thotrq@gmail.com

Trong những năm qua, với tinh thần phát huy nội lực cùng với sự quan tâm, đầu tư đúng mức và sự chỉ đạo kịp thời của các cơ quan Trung ương nên kinh tế tỉnh Nam Định đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Sự phát triển khá bền vững của một tỉnh công nghiệp giàu truyền thống suốt gần một thế kỷ trước, đặc biệt là từ sau năm 2000 đến nay, đã có ý nghĩa quan trọng để địa phương kỳ vọng vào sự bứt phá nhanh chóng, mạnh mẽ từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Nam Định là một địa phương trong Vùng Đồng bằng sông Hồng với tiềm lực to lớn về nguồn lợi biển. Tuy nhiên, so với nhiều tỉnh, thành phố lớn khác, tiềm năng to lớn của tỉnh chưa được đánh thức, đầu tư và khai thác hiệu quả. Bài viết nghiên cứu các tiềm năng phát triển kinh tế biển của tỉnh, đánh giá đúng và khách quan về thực trạng và đưa ra định hướng, cũng như đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khai thác và phát triển kinh tế biển một cách tối ưu thích ứng với những tác động do biến đổi khí hậu khó lường

Từ khóa: kinh tế biển, thủy sản, du lịch biển.

1. Lợi thế của kinh tế biển của tỉnh Nam Định

Vùng kinh tế biển Nam Định với 72 km bờ biển, trải dài trên 3 huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng trong đó có 21 xã và 1 thị trấn tiếp giáp biển. Diện tích tự nhiên toàn vùng là 749,2 km², chiếm 44,8% diện tích của tỉnh và 21,4% diện tích dải ven biển đồng bằng Sông Hồng và là vùng trọng điểm về sản xuất công nghiệp truyền thống, có nghề khai thác và nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản phát triển lâu đời, có lực lượng lao động khá dồi dào. Đây là tiềm năng và là nguồn lực rất lớn để Nam Định phát triển. Trong những năm qua, kinh tế biển Nam Định đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: thủy, hải sản, sản xuất muối, công nghiệp đóng tàu, giao thông vận tải, du lịch... Tốc độ tăng trưởng về thủy sản giai đoạn 2001- 2005 bình quân đạt 15%

năm, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Vùng biển Nam Định có nguồn lợi thủy sản phong phú và đa dạng. Trữ lượng cá ước tính khoảng 157.000 tấn, chiếm khoảng 20% trữ lượng của Vịnh Bắc Bộ, trong đó cá nổi khoảng 95.000 tấn, cá đáy khoảng 62 ngàn tấn. Khả năng cho phép khai thác khoảng 70.000 tấn, trong đó cá nổi 38.000 tấn, cá đáy 32.000 tấn. Vùng biển này có 45 loài tôm thuộc họ tôm he, trong đó có 9 loài có giá trị kinh tế, tập trung ở cửa Ba Lạt, trữ lượng ước tính khoảng 3.000 tấn, khả năng khai thác cho phép khoảng 1.000 tấn. 20 loài mực, trữ lượng khoảng 2.000 tấn, khả năng khai thác cho phép 1000 tấn/năm, trong đó hơn 600 tấn ở độ sâu 30 m nước trở vào và 400 tấn ở độ sâu 30m nước trở ra. Ngoài ra,

Bảng 1: Nguồn lực đánh bắt cá của một số địa phương năm 2011

Tỉnh/Thành phố	Quảng Ninh	Khánh Hòa	Nam Định
Số tàu (cái)	13.133	10.000	3.018
Sản lượng (tấn)	52.526	75.000	39.890
Tàu hơn 90 CV (cái)	168	1.100	309

[Nguồn: tác giả tổng hợp]

còn có các loại hải sản khác như moi, sò huyết, sò lông, bào ngư, cầu gai...

Tiềm năng vận tải từ kinh tế biển của tỉnh thể hiện ở chỗ Nam Định là cửa ngõ phía Đông Nam của thủ đô Hà Nội bằng đường sông đi từ đường biển vào. Vùng có cảng biển Hải Thịnh với công suất thiết kế 70 vạn tấn/năm, tàu 1.500-2.000 tấn ra vào được cùng mạng lưới giao thông đường bộ đã, đang được nâng cấp tạo thuận lợi cho việc giao lưu của vùng với các nơi.

Khái quát tiềm năng và kinh tế biển của Nam Định

Các ngành kinh tế biển của tỉnh Nam Định gồm: khai thác và đánh bắt thủy sản, nuôi trồng thủy sản, vận tải biển, du lịch biển, sản xuất và chế biến muối.

Khai thác và đánh bắt thủy sản

Nghề khai thác biển của Nam Định xuất hiện từ lâu và là kế sinh nhai bao đời của người dân vùng biển. Tuy vậy, đến nay hoạt động khai thác biển chưa thực sự mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cao cho người dân và tỷ lệ khai thác thủy hải sản đóng góp cho kinh tế của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của nó. Cơ sở hạ tầng và công nghệ đánh bắt thủy hải sản lạc hậu so với nhiều tỉnh của cả nước, còn nếu so với các nước khác đang khai thác ở Vịnh Bắc Bộ và vùng biển quốc tế ngoài Vịnh Bắc Bộ thì rất lạc hậu và yếu kém. Khâu hậu cần nghề cá và chế biến sau thu hoạch có thể nói là một trong những hạn chế lớn của Nam Định.

Hầu hết tàu đánh cá của tỉnh Nam Định chủ yếu khai thác và hoạt động ở các khu vực gần bờ. Số lượng tàu công suất lớn phần lớn có khả năng đi xa trong vùng đặc quyền 200 hải lý của Việt Nam chứ chưa có thể ra xa hơn vùng biển quốc tế như đội tàu của các nước. Việc thiếu những đoàn tàu khai thác

hiện đại cùng hệ thống hạ tầng, hậu cần, chế biến hỗ trợ đang đặt ra nhiều thách thức cho phát triển kinh tế biển của tỉnh. Đây là tình trạng chung của đội tàu thuyền khai thác thủy hải sản của Việt Nam và địa phương này vẫn chưa thể đi trước trong đầu tư hạ tầng để nâng cao khả năng hoạt động để vọng một sự lớn mạnh thực sự về kinh tế biển trong thời gian gần.

Có thể nói, khai thác thủy hải sản của Nam Định hiện nay có quy khá khiêm tốn so với hoạt động khai thác đa loài tại khu vực biển Đông rộng lớn. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định, sản lượng khai thác liên tục tăng qua các năm: năm 2006 là 31.683 tấn, năm 2009 là 38.564 tấn, năm 2010 đạt 40 ngàn tấn.

Đến nay, tổng số tàu thuyền khai thác hải sản của Nam Định hiện có 3.018 chiếc, trong đó có 198 tàu đánh bắt xa bờ, 2.262 tàu thuyền có động cơ với tổng công suất 86.990 CV, trong đó nghề giã có 438 chiếc, nghề lưới rê kiêm chụp mực có 1.662 chiếc, còn lại là nghề câu và các nghề khác. Ngoài ra, còn có 558 thuyền không có động cơ. Tổng số lao động khai thác thủy sản là 11.800 người. Toàn tỉnh có trên 100 cơ sở thu mua, chế biến hải sản, 10 cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá có khả năng đóng mới từ 30-50 tàu cá/năm. (xem Bảng 1)

Với cơ cấu tàu thuyền khai thác hải sản phân bố tương đối đồng đều so với diện tích mặt nước của từng vùng biển ở nước ta, vùng biển Vịnh Bắc Bộ chiếm 31,4%. Tổng số tàu thuyền ở Vịnh Bắc bộ là 40.339 tàu và Nam Định chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn trong tổng số này. Hoạt động khai thác hải sản của Nam Định so với các tỉnh lân cận không hề thua kém nhưng so với tiềm năng và thế mạnh vốn có của tỉnh, thì những kết quả đạt được chưa cao. (xem Bảng 2)

Bảng 2: Sản lượng khai thác thủy hải sản trong năm 2010 của các vùng biển Việt Nam

TT	Vùng biển	Đơn vị tính	Năm 2010	Tỷ lệ (%)
1	Vịnh Bắc Bộ	Tấn	387.535	17,4
2	Trung Bộ	Tấn	710.341	31,9
3	Đông Nam Bộ	Tấn	640.884	28,8
4	Tây Nam Bộ	Tấn	487.841	21,9

[Nguồn: Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Tổng cục Thủy sản]

Nuôi trồng thủy sản

Trong nhiều năm qua, UBND các huyện vùng ven biển đều có chính sách khuyến khích chuyển đổi diện tích đất trồng lúa, sản xuất muối sang nuôi trồng thủy sản. Do được quan tâm chỉ đạo, nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh. Diện tích nuôi trồng vùng mặn lợ tăng từ 5.617 năm 2006 lên 6.214 ha năm 2010, trong đó có 321ha nuôi thâm canh, 2.135ha nuôi bán thâm canh, còn lại là quảng canh cải tiến với những con nuôi chủ lực là tôm, ngao, cá bống bóp, cá song và cá vược.

Năng suất tôm sú bình quân toàn tỉnh đạt 480 kg/ha, trong đó nuôi thâm canh bình quân đạt 3,03 tấn/ha; nuôi bán thâm canh đạt bình quân 1,45 tấn/ha; nuôi quảng canh cải tiến đạt bình quân 0,4 tấn/ha. Ngoài ra, các loại thủy hải sản khác cũng được các hộ nông dân chú trọng nuôi trồng như ngao với diện tích và sản lượng tăng khá trong những năm gần đây. Năm 2006, diện tích nuôi ngao là 800 ha, sản lượng 10 ngàn tấn; đến năm 2010 là 1.708 ha, sản lượng đạt 18.750 tấn. Cua biển là đối tượng nuôi chủ lực sau tôm sú ở vùng nuôi nước lợ. Sản lượng Cua năm 2009 đạt 1.396 tấn, bằng 112,13% so với năm 2008. Cá bống bóp có diện tích nuôi là 165 ha năm 2010, sản lượng đạt 830 tấn. Đây là đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, có thị trường ổn định trong nước và xuất khẩu. Đến nay,

đã hình thành các vùng nuôi tập trung ở các xã Nghĩa Thắng, Nam Điền - Nghĩa Hưng với năng suất bình quân 5 tấn/ha; cá song, cá vược có tổng diện tích nuôi là 268ha, tổng sản lượng là 1.025 tấn, tăng 32,3% so với năm 2008.

Ngoài những con nuôi chủ lực nêu trên, các con nuôi khác như tôm rảo, rong câu chỉ vàng... vẫn được duy trì và phát triển cho năng suất và sản lượng khá.

Du lịch biển

Tài nguyên cho phát triển du lịch biển khá đa dạng của tỉnh Nam Định gồm khu rừng ngập mặn, xen lẫn bãi bồi, đầm lầy và các con lạch như Vườn Quốc gia Xuân Thủy (Giao Thủy) và Nam Điền (Nghĩa Hưng). Cả hai địa danh này đều thuộc Khu Dự trữ sinh quyển liên tỉnh châu thổ sông Hồng, được UNESCO trao bằng chứng nhận từ năm 2004 và bờ biển tại nhiều vị trí có những bãi ngang thoải dài, cát mịn có thể hình thành các bãi tắm biển, các khu du lịch biển, nghỉ mát, nghỉ dưỡng... Vì vậy, hoạt động du lịch đã có nhiều khởi sắc trong những năm vừa qua. Nam Định nổi tiếng với các khu du lịch biển Quất Lâm, Hải Thịnh, Thịnh Long trong những năm qua và trở thành điểm đến khá hấp dẫn cho du khách nội địa khu vực phía Bắc trong những dịp nghỉ mát vào mùa hè. (xem Bảng 3)

Sản xuất và chế biến muối

Bảng 3: Doanh thu du lịch và dịch vụ của các địa phương biển trong năm 2011

Các địa phương	Nha Trang	Sầm Sơn	Cửa Lò	Nam Định
Doanh thu du lịch	2.200 tỷ đồng	1.100 tỷ đồng	1.120 tỷ đồng	230 tỷ đồng
Số du khách	2.000.000 người	2.100.000 người	1.935.000 người	1.600.000 người

[Nguồn: tác giả tổng hợp]

Năm 2010, diện tích muối toàn tỉnh có 854,5ha, sản lượng muối đạt 85.000 tấn, giá trị sản xuất đạt từ 75 – 100 triệu đồng/ha. So với năm 2005, diện tích muối giảm 75 ha (bình quân 1,67%/năm), và sản lượng giảm 5235 tấn (bình quân 1,19%/năm) do sản xuất muối gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc vào thời tiết, giá cả biến động thất thường nên một số diện tích muối đã được chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản. Toàn tỉnh hiện có 10 doanh nghiệp tham gia chế biến, tiêu thụ muối cho diêm dân, trong đó có 01 doanh nghiệp là công ty cổ phần muối và thương mại dịch vụ thuộc tổng công ty Lương thực Miền Bắc và 9 công ty TNHH của địa phương. Sản lượng muối sản xuất ra được các doanh nghiệp tiêu thụ khoảng 60%, các HTX tiêu thụ 6 – 7%, số còn lại do tư thương tiêu thụ.

Nhờ các chính sách hỗ trợ của nhà nước, của tỉnh và các doanh nghiệp, nên hệ thống cơ sở hạ tầng vùng muối đã được cải thiện đáng kể. Toàn vùng muối của tỉnh đã xây dựng được 234 km mương cấp nước, 260 km mương thoát nước, 29 km đê ngăn mặn, 14km đê ngăn lũ, 26 cống đầu mối và 253 cống nội đồng, 24.691 m³ hồ chứa, 568 sân phơi và 112 ô kết tinh. Công nghệ sản xuất muối sạch bằng phương pháp trải bạt ni lon được triển khai mạnh mẽ ở các xã Hải Chính, Hải Triều huyện Hải Hậu, và do đó đã làm giá bán sản phẩm tăng 25 – 30% mở ra một hướng mới trong sản xuất muối của tỉnh trong thời gian tới. Hiện nay diện tích muối sạch toàn tỉnh có 23ha, sản lượng đạt 1.520 tấn.

Tuy nhiên, việc đầu tư cho sản xuất, chế biến muối và cơ sở hạ tầng vùng muối chưa đáp ứng được yêu cầu, thu nhập của diêm dân thấp, gây khó khăn cho việc đầu tư sản xuất.

Vận tải biển

Dịch vụ vận tải biển chưa phát huy được vai trò của một tỉnh công nghiệp quan trọng khu vực phía Bắc và vị trí trung tâm khu vực cửa biển rộng lớn. Thực tế đã chỉ ra rằng trong khi hoạt động kinh tế bùng nổ với lượng hàng hóa khổng lồ tăng trưởng đều đặn được vận chuyển bằng đường biển qua hệ thống cảng biển Hải Phòng và một số cảng biển như Cửa Lò, Nghi Sơn,... thì Nam Định hầu như không thực hiện được chức năng này với vị trí quan trọng vốn có của mình. Sở dĩ như vậy là do Nam Định chưa có cảng biển nước sâu và cơ sở hạ tầng kết nối đi các

tỉnh để biến mình thành cảng trung chuyển hàng hóa của khu vực nên có thể nói là do tỉnh chưa thực sự nắm bắt được cơ hội này trong một thời gian dài.

3. Những hạn chế cản trở sự phát triển kinh tế biển của Nam Định

Thứ nhất, nhận thức hạn chế về vị trí, vai trò của biển đối với sự phát triển của Nam Định trong hiện tại và tương lai. Là địa phương có lực lượng lao động bám biển lâu đời, nhưng người dân và chính quyền nơi đây chưa thấy được vai trò quan trọng của việc khai thác nguồn lợi to lớn từ biển. Dịch vụ vận tải biển có thể là thế mạnh của tỉnh, nếu tỉnh có tầm nhìn và chiến lược đầu tư hợp lý, cũng như tiềm năng to lớn mà du lịch biển mang lại cho địa phương. Vì vậy, Nam Định cần xem xét và đánh giá xác thực và khách quan về chiến lược kinh tế biển của tỉnh để quản lý và khai thác tài nguyên biển hiệu quả hơn.

Thứ hai, thiếu vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Là tỉnh công nghiệp có bề dày phát triển kinh tế của cả nước, nhưng không nằm trong trục phát triển kinh tế Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, nên Nam Định đã không được hưởng các chính sách đầu tư lớn cho phát triển cơ sở hạ tầng như các tỉnh khác. Một phần quan trọng nữa là khả năng thu hút vốn đầu tư từ khu vực tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài vào khai thác biển của tỉnh không có nhiều hiệu quả, nên đã hạn chế sự phát triển kinh tế trong suốt nhiều năm qua của Nam Định nói riêng và khu vực lân cận nói chung.

Thứ ba, chính sách thu hút lao động vào phát triển kinh tế biển chưa hiệu quả. Mặc dù là tỉnh có nguồn lao động dồi dào và với trình độ khá cao, nhưng do xuất phát là tỉnh có tiềm lực kinh tế trung bình của cả nước và chính sách tuyển dụng nhân tài chưa thực sự tốt, nên lao động kinh tế biển nơi đây chưa đủ sức thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là hạn chế của tỉnh trong việc cạnh tranh với các địa phương khác trong thu hút người tài tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý hiện nay.

Thứ tư, vai trò quan trọng của kinh tế biển trong phát triển kinh tế nói chung của tỉnh Nam Định chưa rõ ràng. Xuất phát từ nhận thức và chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của tỉnh có thể thấy rằng Nam Định chưa xác định rõ vai trò chiến lược của

kinh tế biển và do đó nguồn lực đầu tư cho kinh tế biển còn hạn chế. Thêm vào đó, mức độ quan tâm của người dân và cộng đồng doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh không cao. Sự hạn chế về tư duy phát triển biển mang tính chiến lược trên bình diện chính trị, an ninh quốc phòng và kinh tế biển đã khiến Nam Định chưa thể cất cánh mạnh mẽ.

Thứ năm, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Trong những năm gần đây, ở tỉnh Nam Định cũng như các địa phương ven biển khác trên toàn quốc các nguồn lợi từ kinh tế biển đem lại đều bị tác động bởi biến đổi khí hậu. Các hoạt động nuôi trồng thủy sản, đánh bắt và khai thác thủy sản, chế biến muối là những ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Các cánh đồng nuôi trồng thủy hải sản, cánh đồng muối gần như mất trắng sau mỗi cơn bão đi qua. Thêm vào đó, tình trạng xâm nhập mặn đang gây không ít khó khăn cho việc canh tác (trồng lúa và hoa màu khác) của nông dân.

Sở dĩ có những hạn chế trên là do tư duy, nhận thức và quan điểm của tỉnh đối với phát triển kinh tế biển còn nhiều bất cập, từ đó chưa có sự đầu tư xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đây là một bộ phận hữu cơ không thể xem nhẹ trong phát triển kinh tế, xã hội nói chung của tỉnh, chưa có sự đầu tư thỏa đáng cho việc nâng cấp cảng biển cho việc xây dựng các đội tàu đánh bắt thủy sản có công suất lớn. Trong các hoạt động gắn với khai thác lợi thế của biển tỉnh mới chỉ quan tâm nhiều hơn đến sự tận dụng những lợi thế sẵn có, chưa thực sự quan tâm đến bảo vệ, bảo tồn và nuôi dưỡng, phát triển những lợi thế do biển đem lại.

4. Quan điểm và một số giải pháp phát triển kinh tế biển của Nam Định

4.1. Về quan điểm

Một là, phát triển kinh tế biển phải tuân thủ các yêu cầu phát triển bền vững

Hai là, phát triển kinh tế biển phải được dựa trên quy hoạch, chiến lược bài bản và khoa học nhằm phát huy có hiệu quả những lợi thế và vượt qua những bất lợi thế do chính biến đổi khí hậu gây ra.

Ba là, phát triển kinh tế biển vừa phải đảm bảo khai thác có hiệu quả các nguồn lợi, vừa tuân thủ yêu cầu bảo tồn và phát triển nguồn lợi hiện có và tương lai do biển mang lại.

4.2. Một số giải pháp chủ yếu

Thứ nhất, thành lập những đội tàu đánh bắt công suất lớn để phát triển ngành đánh bắt cá xa bờ

Đi cùng với những đội tàu cá đánh bắt xa bờ trong khu vực vịnh Bắc Bộ và vùng biển quốc tế giáp ranh, phải có các tàu lớn làm nhiệm vụ hậu cần và hỗ trợ khi cần thiết. Việc phát triển đội tàu lớn vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng trên biển.

Muốn vậy, Nam Định cần chủ động thành lập và có cơ chế khuyến khích đầu tư cho những đội tàu lớn trong tỉnh, với chính sách vốn linh hoạt và thực tế tại địa phương để nhanh chóng đầu tư đóng tàu đánh bắt xa bờ. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể tăng sản lượng khai thác lên nhanh, phạm vi hoạt động của ngư dân trên biển sẽ được mở rộng và do đó sẽ phát huy hiệu quả ích kinh tế của biển cho địa phương

Thứ hai, xúc tiến thực hiện các chính sách thực hiện các chính sách và biện pháp thích hợp trong việc huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế vào xây dựng cảng biển và các đội tàu có công suất lớn

Đúng là với vị trí khá thuận lợi để phát triển kinh tế biển, nhưng do nguồn lực của tỉnh và quốc gia nói chung còn nhiều hạn chế, nên nếu chỉ dựa nguồn vốn từ ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển kinh tế biển tại Nam Định thì khó có thể đáp ứng được các mục tiêu và yêu cầu đặt ra. Nhằm tạo ra bứt phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế biển, Nam Định cần có những biện pháp hữu hiệu, có cơ chế hấp dẫn phù hợp để huy động nguồn lực rất lớn từ mọi thành phần kinh tế trong tỉnh và các tỉnh khác, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn trong nước từ tỉnh khác như Hải Phòng, Hà Nội, T.p Hồ Chí Minh. Đầu tư vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng cảng biển, đầu tư đóng và mua mới các tàu có công suất lớn nhằm nhanh chóng tăng năng lực hoạt động của hệ thống cảng biển và các đội tàu đánh bắt thủy sản của tỉnh.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng cần đưa ra các chương trình dự án phù hợp và hỗ trợ công tác thực hiện dự án tích cực để thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty và công ty ở địa phương, và của trung ương và doanh nghiệp nước ngoài. Các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa,

Vũng Tàu đã có nhiều kinh nghiệm quý và thành công về vấn đề này trong thời gian qua. Trên thực tế, các tỉnh, thành phố này đã thu hút bình quân hàng tỷ Đô la vào các dự án phát triển kinh tế biển và thu được nhiều thành tựu kinh tế to lớn cho bản thân địa phương và cả nước. Chính vì vậy, việc huy động và sử dụng vốn hiệu quả của các địa phương trên trong phát triển kinh tế biển là hết sức hữu ích cho Nam Định học tập và thực thi các nhiệm vụ chiến lược sắp tới.

Thứ ba, xây dựng chiến lược và thực hiện tốt các chương trình phát triển du lịch biển

Vị thế nổi trội của du lịch biển đã được khẳng định tại nhiều địa phương ở nước ta. Nam Định cần khẩn trương định vị lại toàn bộ ngành này để từ đó xây dựng chiến lược phát triển du lịch đặc thù gắn kết cấu có hiệu quả với các ngành nghề khác. Những bãi biển đẹp và sạch sẽ kết hợp với công tác quản lý tốt của chính quyền địa phương nhằm cung cấp sản phẩm du lịch biển đa dạng, hài hòa sẽ dần thu hút đông đảo du khách trong mọi miền tổ quốc đến với biển Nam Định.

Nam Định cần nhận thức rõ và đánh giá đúng những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, kinh tế biển; chú ý phát triển bền vững, không chạy theo phát triển nóng, kết hợp phát triển theo chiều rộng với phát triển theo chiều sâu, kết hợp kinh tế biển với xã hội, kinh tế biển với quốc phòng an ninh, đối ngoại và đặt mình trong vị thế liên quan với các tỉnh xung quanh, trong mối liên kết vùng. Bên cạnh đó, phải nâng cao trình độ quản lý, tăng cường công tác quản lý và phối hợp quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhằm khai thác lợi thế và phát triển kinh tế biển của tỉnh một cách bền vững. Đặc biệt là Nam Định cần có sự phối kết hợp với các địa phương khác có thể

mạnh về biển như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An hình thành nên hành lang kinh tế biển vững chắc dọc Vịnh Bắc Bộ góp phần nâng cao tiềm lực tổng thể kinh tế biển của cả khu vực Đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ rộng lớn của Việt Nam.

Thứ tư, đổi mới công nghệ sản xuất chế biến, khai thác, theo hướng thích nghi và giảm thiểu tác động từ biến đổi khí hậu

Trong điều kiện biến đổi khí hậu có nhiều diễn biến khó lường và có tác động mạnh đến sản xuất, đời sống của người dân, trong đó có cư dân ven biển, việc khai thác, chế biến thủy sản cần phải có những điều chỉnh, đổi mới cho thích ứng nhằm vừa đảm bảo phát triển bền vững, vừa đảm bảo sự an bình cho người dân. Muốn vậy, đi với việc khai thác lợi thế do tự nhiên ban cho, cần phải đề cao việc tôn tạo và bảo tồn, phát triển các nguồn lợi do biển đem lại. Phải làm tốt công tác tuyên truyền và nâng cao trách nhiệm mọi người trong việc bảo vệ môi trường sử dụng hợp lý các nguồn lợi, khai thác hôm nay phải nghĩ đến và có trách nhiệm đối với mai sau.

Tóm lại, phát triển kinh tế biển là hướng đi mới cho Nam Định. Những thuận lợi về vị trí địa lý, trình độ phát triển của của một tỉnh công nghiệp trong nhiều năm và sức tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế khu vực Đồng bằng Sông Hồng, khu vực Bắc Trung Bộ sẽ là cơ hội lớn để Nam Định chú trọng phát triển kinh tế biển. Tuy vậy, thử thách lớn nhất phía trước đó là tầm nhìn chiến lược, phát huy nội lực và khả năng cạnh tranh của tỉnh để có thể sớm đi nhanh, đi vững chắc vào phát triển kinh tế biển hiện đại góp phần đưa Nam Định trở thành một tỉnh giàu mạnh về biển trong tương lai không xa. □

Tài liệu tham khảo:

1. Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản và muối tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn 2030
2. Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Tổng cục Thủy sản